

Số: 358/2021/QĐST – HNGĐ

K, ngày 09 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 343/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoài T; Sinh năm 1990; HKTT: Thôn 3, S, Y, Q; Tạm trú: Số xxx tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm Khương D; sinh năm 1991; HKTT: Thôn 3, S, Y, Q; Tạm trú: Số xxx tổ dân phố V, thị trấn Q, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Hoài T và anh Phạm Khương D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Trần Thị Hoài T và anh Phạm Khương D có 02 con chung là cháu Phạm Trần Nhật M, sinh ngày 31/01/2013 và cháu Phạm Trần Trung D, sinh ngày 05/06/2016. Khi ly hôn, giao con chung Phạm Trần Nhật M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Trần Trung D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu khác.

2.2 *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Chị Trần Thị Hoài T và anh Phạm Khương D không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

2.3 *Về án phí sơ thẩm*: Chị Trần Thị Hoài T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2020/0072855 ngày 27/10/2021, hoàn trả chị Trần Thị Hoài T số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã S,
huyện Y, tỉnh Q.
(Số ĐKKH 33/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung